



CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC VỚI VIỆT NAM

PGS., TS. PHẠM HỮU HỒNG THÁI, ThS. HỒ THỊ LAM - Đại học Tài chính Marketing *

Chính sách khởi nghiệp là một trong những vấn đề nổi lên hiện nay trong chính sách phát triển kinh tế ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nhiều quốc gia đã tăng cường sức mạnh kinh tế với việc xây dựng các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp nhằm phát huy tiềm năng giúp các doanh nghiệp này đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia. Trong các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, chính sách tài chính hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp luôn có ý nghĩa quan trọng và quyết định đến sự thành công của doanh nghiệp. Từ kinh nghiệm của một số nước sẽ gợi mở cho Việt Nam về những chính sách tài chính hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

Từ khóa: Chính phủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp, chính sách, doanh nghiệp, công nghệ mới nổi, quỹ đầu tư sáng tạo

Startup policy is one of the most concerns in economic development policy of the countries. It is undeniable that many countries enhance their economic power by evidence of high level of business startups and by making positive support policies for these enterprises to help them promote maximum potential and to contribute greatly to the economic development. Among the support policies for business startups, financial policy is one of the most important content. By evaluating international experience in financial policy for business startups, the author attempts to recommends solutions to Vietnam.

Keywords: The Government, SMEs, startups, policy, enterprises, emerging technology, creative investment foundation

Ngày nhận bài: 15/3/2018

Ngày hoàn thiện biên tập: 30/3/2018

Ngày duyệt đăng: 6/4/2018

Các quốc gia bắt đầu quan tâm đến doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp kể từ sau nghiên cứu đột phá của Birch (1979). Birch phát hiện ra rằng, hơn 80% việc làm mới được tạo ra ở các DN nhỏ hơn là các công ty lớn của Mỹ và thực tế, các DN nhỏ chính là động lực tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ.

Nhiều nghiên cứu được thực hiện tại các quốc gia khác cũng chứng minh vai trò tạo ra nhiều việc

làm của các DN nhỏ. Sự chú trọng vào chính sách khởi nghiệp do đó cũng tăng lên thông qua các nghiên cứu về vai trò của các DN mới thành lập trong việc đổi mới và xây dựng một nền kinh tế năng động. Các DN mới thành lập và một số nhỏ các DN đang phát triển nhanh chóng góp phần tạo ra một tỷ lệ đáng kể các công việc mới. Chính những kết quả nghiên cứu này đã kéo theo các chính sách định hướng hỗ trợ khởi nghiệp được chú trọng trong vài thập kỷ gần đây ở hầu hết các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VII, Đảng ta đã dành sự quan tâm đến sự phát triển kinh tế tư nhân, đồng thời có nhiều chủ trương và ban hành nhiều chính sách để phát triển lĩnh vực này, nhất là các DN nhỏ và vừa (DNNVV). Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi phát triển DNNVV. Mặc dù có nhiều chính sách được ban hành, song các cơ chế, chính sách hỗ trợ khu vực DNNVV, DN khởi nghiệp vẫn còn mang tính chung chung, các chính sách tài chính còn lồng ghép, chưa cụ thể, còn thiếu tính đồng bộ và hệ thống, vẫn còn tồn tại sự xung đột. Do đó, các DN và các doanh nhân khởi nghiệp vẫn chưa tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước một cách rộng rãi.

Để các chính sách được triển khai hiệu quả, việc nghiên cứu kinh nghiệm, khái quát các chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp mà các quốc gia trên thế giới là rất cần thiết, nhằm rút ra một số bài học kinh nghiệm về hoạch định các chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam,



BẢNG 1: CÁC CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐA DẠNG ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI CÁC QUỐC GIA

Công cụ tài chính	AS	CA	FL	IR	NL	SP	SW	TW	UK	US
Chương trình cho vay vốn đối với DNNVV hoặc chương trình bảo lãnh của Chính phủ		X	X		X	X		X	X	X
Ngân hàng DNNVV của Chính phủ		X						X		
Quỹ cho vay vi mô		X	X	X		X	X	X		X
Các khoản vay đặc biệt cho các doanh nghiệp tăng trưởng		X	X	X	X					X
Trợ cấp lãi suất				X		X				
Các khoản trợ cấp và cho vay R&D	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Các chương trình/quỹ đầu tư mạo hiểm do chính phủ khuyến khích	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Giảm thuế cho các nhà đầu tư thiên thần và nhà đầu tư tư nhân	X	X		X		X		X	X	X
Cơ sở dữ liệu/mạng lưới nhà đầu tư thiên thần		X	X	X	X			X	X	X
Trợ cấp khởi sự cho người thất nghiệp	X	X	X		X	X	X		X	

Ghi chú: AS: Australia, CA: Canada, FL: Phần Lan, IR: Ireland, NL: Hà Lan, SP: Tây Ban Nha, SW: Thụy Điển, TW: Đài Loan, UK: Anh, US: Mỹ.

Nguồn: Stevenson và Lundström (2001)

hướng đến mục tiêu “quốc gia khởi nghiệp” trong tương lai gần.

Chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới

Nghiên cứu về kinh nghiệm áp dụng các chính sách tài chính cho thấy, hầu hết các quốc gia đang tích cực tham gia vào một loạt các biện pháp để giải quyết nhu cầu tài chính cho DNNVV (Bảng 1). Các biện pháp này bao gồm: Thành lập các ngân hàng thương mại nhỏ và phát triển các chương trình bảo lãnh cho vay DN nhỏ của chính phủ, các quỹ cho vay vi mô, các quỹ cho vay tăng trưởng, chương trình vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), quỹ đầu tư mạo hiểm, mạng lưới và cơ sở dữ liệu các nhà đầu tư thiên thần, tín dụng thuế đầu tư, trợ cấp cho người thất nghiệp và các chương trình thông tin tài chính. Cụ thể kinh nghiệm tại các nước, vùng lãnh thổ:

Australia

Australia là quốc gia chú trọng khởi nghiệp khá sớm. Chính phủ nước này đã áp dụng nhiều biện pháp, chính sách khác nhau nhằm hỗ trợ khởi nghiệp từ những năm cuối thế kỷ XX, bao gồm: Chính sách pháp lý, chính sách tài chính, chính sách giáo dục và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp...

Xây dựng một hệ thống thuế mới: Chính phủ

Australia đã cho phép thành lập Ủy ban Tư vấn DN nhỏ để cố vấn cho Chính phủ về các vấn đề thuế. Thuế suất thuế DN đã giảm từ 36% xuống còn 34% trong năm thuế 2000-2001 và sau đó là 30% lợi tức vốn được miễn thuế 75%. Các sửa đổi liên quan đến giảm thuế R&D cũng được nước này áp dụng.

Chính sách hỗ trợ tiếp cận tài chính và vốn hạt giống: Chính phủ Australia cung cấp một số chương trình trợ giúp tài chính trực tiếp cho các DN mới, bao gồm: Giảm thuế khởi nghiệp R&D; Chương trình Đầu tư Đổi mới và một loạt các chương trình theo ngành. Ví dụ như Chương trình Văn hoá DN nhỏ, Chương trình vườn ươm DN nhỏ và Quỹ DN nhỏ Bản địa, Chương trình vốn đầu tư mạo hiểm...

Nhờ những chính sách tích cực hỗ trợ khởi nghiệp, các DN nhỏ đã chiếm 97% số lượng DN của Australia, đóng góp ít nhất 1/3 tổng GDP và sử dụng gần 47% lực lượng lao động trong khu vực tư nhân, tương ứng với 35% tổng lực lượng lao động. Các công ty mới và nhỏ là những đơn vị tạo công ăn việc làm chính trong nền kinh tế (chiếm tỷ lệ 49% việc làm mới).

Canada

Canada bắt đầu nghiên cứu các vấn đề chính sách về khởi nghiệp và DN nhỏ vào đầu những năm 1980. Canada là nước đầu tiên trong các nước phát triển thông qua Chính sách quốc gia về khởi



ng nghiệp (1989) với các trọng tâm như: Chính sách pháp lý và môi trường khởi nghiệp, chính sách giáo dục khởi nghiệp, chính sách tài chính...

Chính sách thuế: Các DN nhỏ có thu nhập chịu thuế dưới 200.000 USD được hưởng lợi từ khấu trừ thuế đối với DN nhỏ, làm giảm thuế suất thuế thu nhập DN của liên bang từ 28% xuống còn 12%. Vào tháng 1/2001, thuế suất thuế DN mới 21% được áp dụng cho thu nhập từ 200.000 USD đến 300.000 USD. Các công ty nhỏ có mức thu nhập chịu thuế dưới 200.000 USD cũng được hưởng khoản tín dụng thuế 20% cho chi phí R&D.

Chính sách tiếp cận tài chính và vốn hạt giống: Chính phủ Canada tham gia vào một loạt chương trình cung cấp hỗ trợ tài chính và cải thiện khả năng tiếp cận nguồn tài chính cho các DN nhỏ mới. Cụ thể như: Bảo đảm tiền vay, cho vay kinh doanh nông thôn, cho vay đối với những người khởi nghiệp là dân bản địa, phụ nữ, doanh nhân trẻ và các DN công nghệ; các chương trình vốn mạo hiểm và hỗ trợ cho mạng lưới nhà đầu tư thiên thần.

Chính sách bảo lãnh vay vốn cho các DN nhỏ: Chương trình Bảo lãnh cho vay DN nhỏ của Canada đã được áp dụng từ năm 1961. Chương trình này được đổi tên thành Đạo luật Tài chính DN nhỏ Canada vào năm 1999, Chính phủ cung cấp bảo lãnh 85% các khoản cho vay DN nhỏ dưới 250.000 USD. Các khoản vay này có thể được dành cho việc thành lập các DN mới hoặc mở rộng hoặc hiện đại hóa các công ty nhỏ có doanh thu dưới 5 triệu USD/năm. Ngân hàng cho vay có thể đảm bảo an toàn đối với tài sản và bảo đảm cá nhân lên đến 25%.

Đài Loan (Trung Quốc)

Đài Loan là một nền kinh tế chú trọng vấn đề khởi nghiệp từ rất sớm. Phát triển DNNVV được coi là một yếu tố quan trọng trong các sáng kiến phát triển kinh tế từ năm 1953. Các DNNVV chiếm hơn 97% tổng số DN (hơn một triệu DN nhỏ vào năm 2000) và sử dụng trên 78% lực lượng lao động nước này.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, Đài Loan ít bị khủng hoảng hơn các nền kinh tế châu Á khác, vì các DNNVV đóng vai trò chi phối trong chính sách kinh tế của Đài Loan so với Hàn Quốc hay Nhật Bản. Các chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp của Đài Loan tiếp thu những ưu điểm và có sự điều chỉnh so với các quốc gia phương Tây. Cụ thể:

Chính sách thuế: Chính phủ cấp tín dụng thuế lên tới 20% cho cá nhân đầu tư vào các DNNVV để giải quyết thiếu hụt vốn cổ phần.

Chính sách tiếp cận tài chính và vốn hạt giống:

Chính phủ đóng một vai trò lớn trong việc cung cấp tài chính cho các DNNVV hiện tại, vừa trực tiếp vừa gián tiếp. Chính phủ quy định mỗi ngân hàng phải thành lập một Trung tâm Dịch vụ DNNVV tại mỗi chi nhánh và phân bổ một tỷ lệ vốn cho các DNNVV. Chính phủ trực tiếp lấp đầy thiếu hụt tài chính DNNVV thông qua Ngân hàng Thương mại Đài Loan, Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV và một chương trình kích thích sự phát triển của ngành công nghiệp mạo hiểm.

Bảo lãnh cho vay khởi sự cho các doanh nhân trẻ khởi nghiệp: Cung cấp bảo lãnh cho các khoản vay khởi nghiệp của các doanh nhân trẻ, với số vay lên đến 4 triệu Đài tệ. Trong đó 1,4 triệu Đài tệ sẽ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp. Đây là một khoản vay cá nhân, có thời gian ân hạn hai năm.

Vốn đầu tư mạo hiểm: Chính phủ đã đóng một vai trò tích cực và quan trọng trong việc phát triển ngành vốn mạo hiểm ở Đài Loan. Năm 1982, Chính phủ Đài Loan đã giới thiệu cơ chế vốn mạo hiểm cho các công ty công nghệ. Năm 1983, Đài Loan đã thông qua “Quy định về các DN đầu tư vốn mạo hiểm” và mở ra cánh cửa cho sự xuất hiện của các công ty vốn liên doanh.

Sàn giao dịch OTC: Ngày 18/4/2000, Đài Loan mở một sàn giao dịch OTC cho các DN đang phát triển sáng tạo (sàn có tên là TIGER). Để được niêm yết, một DNNVV phải có vốn và tiềm năng tăng trưởng lớn. Có 400 công ty TIGER và khoảng 1/3 trong số 1.155 công ty đầu tư vốn mạo hiểm đã niêm yết trên sàn giao dịch TIGER. Sàn giao dịch này mở ra tạo cơ hội cho các DN khởi nghiệp đáp ứng được nhu cầu mà không bị ràng buộc bởi các quy định niêm yết nghiêm ngặt.

Khuyến nghị đối với Việt Nam

Từ những kinh nghiệm của các quốc gia, bên cạnh thực tế các biện pháp đang được áp dụng hiện nay để hỗ trợ khởi nghiệp ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp liên quan đến chính sách tài chính như sau:

Thành lập ngân hàng dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Xu hướng chung tại các quốc gia cho thấy, các khoản trợ cấp lãi suất được chuyển thành các khoản cho vay có thể thu hồi và các chương trình vốn chủ sở hữu. Điều này làm tăng tính trách nhiệm đối với việc sử dụng vốn của các doanh nhân khởi nghiệp, nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn. Tuy nhiên, điều quan trọng là khả năng tiếp cận vốn vay cũng như vấn đề bất cân xứng thông



tin về nguồn cung cấp vốn. Tại Canada, một ngân hàng chuyên cung cấp vốn vay cho các DNNVV của Chính phủ được thành lập để đảm bảo nguồn cung ứng vốn đối với các DN khởi nghiệp, bên cạnh các quỹ tín dụng trên thị trường. Với bản chất rủi ro lớn, thiếu tài sản đảm bảo của các DN khởi nghiệp cũng như các điều kiện khắt khe của khu vực ngân hàng, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận vốn của các DN khởi nghiệp. Việc thành lập một ngân hàng chuyên cung cấp dịch vụ về vốn cho các DNNVV và DN khởi nghiệp là thực sự cần thiết ở Việt Nam.

Đồng thời, để giảm gánh nặng hành chính trong huy động và vay vốn, các quốc gia cũng đơn giản hóa quá trình phê duyệt khoản vay, sử dụng các ứng dụng cho vay trực tuyến, sử dụng các kỹ thuật chấm điểm tín dụng và phê duyệt trước khi cho vay nhằm làm giảm chi phí đi vay của các công ty nhỏ. Điều này hoàn toàn có thể được áp dụng đối với ngân hàng cho DNNVV nếu được thành lập.

Về chính sách bảo lãnh cho vay và thành lập các quỹ cho vay vi mô

Đối với vốn khởi đầu, các biện pháp chính sách phục vụ cho hai mục tiêu chính: *Một là*, lấp đầy thiếu hụt tài chính khởi đầu cho những người khởi nghiệp không đạt được tiêu chuẩn về đảm bảo tài sản thế chấp của các nhà tài trợ truyền thống; *Hai là*, lấp đầy thiếu hụt tài trợ tổng hợp và vốn hạt giống dành cho các công ty có định hướng công nghệ và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Các chương trình bảo lãnh cho vay của Chính phủ nhằm mục đích làm giảm rủi ro ngân hàng cho DN nhỏ vay, hoặc tăng mức độ hiểu biết của các ngân hàng về khách hàng và thị trường DN nhỏ. Nhờ có sự bảo lãnh của Chính phủ, các DN khởi nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay từ khu vực ngân hàng. Tuy nhiên, để làm điều này, cần xem xét và đánh giá các tiêu chuẩn cụ thể như tính khả thi của dự án để được bảo lãnh đi kèm với các cam kết sử dụng vốn vay hiệu quả và các yêu cầu về tỷ lệ vốn đối ứng từ phía DN khởi nghiệp, giúp giảm thiểu gánh nặng cho ngân sách trong trường hợp DN không trả được nợ vay.

Thực tế, các quỹ cho vay vi mô thường nhắm đến các nhóm cụ thể như: phụ nữ, thanh niên và các dân tộc thiểu số hoặc các vùng khó khăn về kinh tế. Để khởi nghiệp thành công, vấn đề vốn luôn là điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ một DN khởi nghiệp nào. Trong khi với tính chất rủi ro cao, các DN khởi nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn ngân hàng và các kênh cho vay truyền

thống. Với vai trò quan trọng của các DN khởi nghiệp trong việc gia tăng công ăn việc làm, việc thành lập các quỹ cho vay hướng đến đối tượng khởi nghiệp có ý nghĩa thiết thực.

Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể, minh bạch nhằm khuyến khích việc hình thành và phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm

Thị trường vốn mạo hiểm chính thức ngày càng phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia và là điểm tựa an toàn về tài chính cho các doanh nhân khởi nghiệp, bên cạnh các kênh huy động vốn truyền thống. Các khoản tài trợ và cho vay R&D và các quỹ đầu tư mạo hiểm thường được hướng tới các công ty tiềm năng có triển vọng giai đoạn đầu, gặp khó khăn trong việc thu hút các khoản vay rủi ro.

Ở Việt Nam, có rất nhiều dự án tiềm năng, tuy nhiên việc thiếu thông tin về các nguồn vốn cung ứng hay việc không đáp ứng được các yêu cầu về tài sản đảm bảo của hệ thống tín dụng trong nước cũng như không thể tiếp cận các nhà đầu tư có thể cấp vốn khiến các doanh nhân khởi nghiệp gặp khó khăn trong triển khai ý tưởng khởi nghiệp.

Số lượng các quỹ đầu tư trong và ngoài nước cho khởi nghiệp ở Việt Nam không nhiều. Trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 10-20 DN khởi nghiệp Việt Nam nhận được đầu tư từ những quỹ đầu tư này. Trong khi đó, việc hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cũng đang gặp không ít khó khăn cả về khía cạnh quy định pháp luật cũng như trên thực tế triển khai. Do đó, để khuyến khích việc thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm, Chính phủ có thể tham gia với vai trò góp vốn trong thời gian đầu và có kế hoạch thoái vốn phù hợp trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm. Điều này giúp kêu gọi vốn từ cộng đồng các nhà đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu vốn và hỗ trợ các DN khởi nghiệp.

Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư “thiên thần” để giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp dễ dàng trong việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư khởi sự

Chính phủ các nước Canada, Phần Lan, Ireland, Anh, Mỹ và Đài Loan đã hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư “thiên thần” và các diễn đàn phù hợp khác nhằm cải thiện luồng thông tin giữa các cá nhân. Đáng chú ý trong số này là Chương trình Đầu tư Cộng đồng Canada của Bộ Công nghiệp Canada để thử nghiệm các phương pháp tiếp cận để xây dựng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư ở cấp địa



phương, cộng đồng.

Tại Việt Nam, có rất nhiều dự án tiềm năng, tuy nhiên việc thiếu thông tin về các nguồn vốn cung ứng hay việc không đáp ứng được các yêu cầu về tài sản đảm bảo của hệ thống tín dụng trong nước cũng như không thể tiếp cận các nhà đầu tư có thể cấp vốn khiến các doanh nhân khởi nghiệp gặp khó khăn trong việc triển khai ý tưởng khởi nghiệp của mình. Từ kinh nghiệm các nước, tác giả cho rằng, cần thiết xây dựng một cơ sở dữ liệu và mạng lưới về các nhà đầu tư “thiên thần” ở Việt Nam. Đây là các nhà đầu tư sẵn sàng tài trợ vốn cho các DN khởi nghiệp. Mạng lưới nhà đầu tư này không những là nơi cấp vốn tiềm năng cho DN khởi sự mà còn cung cấp những tư vấn cần thiết trong quá trình khởi sự cho các DN khởi nghiệp.

Chính sách miễn giảm và ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp

Các chương trình tín dụng, thuế, đầu tư là một chiến lược nằm trong bộ các chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp ở hầu hết các quốc gia nhằm khuyến khích các khoản đầu tư vào các DNNVV trong khu vực tư nhân. Ở Việt Nam, những ưu đãi thuế cũng đã được áp dụng đối với thuế thu nhập DN ở các DN khởi nghiệp có dự án đầu tư tại các địa bàn kinh tế khó khăn, hoặc lĩnh vực được ưu tiên, mức độ ưu đãi cao nhất cho áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư mới của DN khởi nghiệp tại các địa bàn đặc biệt khó khăn, khu kinh tế hoặc thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư như nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh những ưu đãi trên, chính sách thuế cần xem xét áp dụng mức thuế ưu đãi hơn nữa nhằm kích thích đổi mới sáng tạo trong khởi nghiệp, điều mà vẫn còn yếu trong hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam.

Chính sách hỗ trợ gián tiếp thông qua mô hình vườn ươm

Nhiều Chính phủ đã tài trợ cho quỹ vườn ươm dựa vào trường đại học để kích thích việc thương mại hoá đầu ra R&D. Mục tiêu của các quỹ vườn ươm này là để vượt qua “khoảng cách của sự sáng tạo và đổi mới”.

Ở Việt Nam, mô hình vườn ươm cũng được triển khai áp dụng, trong đó Nhà nước hỗ trợ kinh phí thành lập, hoạt động các vườn ươm công lập Vườn ươm Phú Thọ (Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh); Vườn ươm CRC (Đại học Bách khoa Hà Nội); Vườn ươm khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Vườn ươm DN (Công viên phần mềm Quang Trung TP. Hồ Chí Minh)... và các ưu đãi về thuế (thuế thu nhập DN, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...) đối với các vườn ươm. Để mô hình vườn ươm phát huy hiệu quả hơn nữa, Chính phủ có thể xem xét gia tăng các ưu đãi như hỗ trợ cơ sở hạ tầng vườn ươm trong giai đoạn đầu hình thành và sau đó thực hiện theo cơ chế tự chủ. Ngoài ra, cần có cơ chế, chính sách để khuyến khích việc hình thành các vườn ươm tư nhân, vừa kêu gọi vốn trong cộng đồng hỗ trợ sự phát triển đổi mới, sáng tạo, vừa giảm gánh nặng ngân sách và áp lực quản lý cho các cơ quan nhà nước.

Xây dựng sàn giao dịch chứng khoán cho các doanh nghiệp khởi nghiệp

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các DN khởi nghiệp có nhu cầu về vốn rất cao, tuy nhiên, khả năng tiếp cận vốn hạn chế do những “thất bại của thị trường” như: Bất cân xứng thông tin về các nguồn vốn, các định chế cho vay ưa thích cho vay đối với các DN lớn để giảm thiểu rủi ro... và một kênh huy động vốn khả thi mà các quốc gia hướng tới là thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, các DN khởi nghiệp có thể không đủ khả năng để được niêm yết và giao dịch trên các sàn giao dịch chính thức và tập trung. Vì vậy, một số quốc gia đã thành lập sàn giao dịch riêng cho các DNNVV, mang tính chất của một sàn OTC với các quy định lỏng lẻo hơn, ví dụ sàn TIGER của Đài Loan, sàn First North của Đan Mạch... Điều này hoàn toàn có thể áp dụng tại Việt Nam nhằm giúp các DN khởi nghiệp dễ dàng huy động vốn trực tiếp từ xã hội và góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn trong thời gian khởi sự và phát triển. 

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Thị Tư (2016), Cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc biệt cho DN khởi nghiệp, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 9/2016;
2. Nguyễn Việt Lợi (2016), “Bệ đỡ” cho các DN khởi nghiệp từ chính sách tài chính, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 9/2016;
3. Acs, Zoltan, J., Bo Carlsson & Charlie Karlsson (1999), *The Linkages Among Entrepreneurship, SMEs and the Macroeconomy. In Entrepreneurship, Small & Medium Sized Enterprises and the Macroeconomy*, eds Z. Acs, B. Carlsson and C. Karlsson, pp. 3- 42. UK: Cambridge University Press;
4. Audretsch, David & Roy Thurik (2001) *What's New about the New Economy? Sources of Growth in the Managed and Entrepreneurial Economies. Industrial and Corporate Change*, 10 (1), pp. 267-315;
5. Australian Bureau of Statistics (1999), *Small and Medium Enterprises: Business Performance Survey*. Canberra, September;
6. Baljé, Sander & Pieter Waasdorp (2001), *Entrepreneurship in the 21st*